TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/LĐ-ST.
Ngày: 23/5/2022.
V/v: Tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Rành – Cán bộ Liên đoàn lao động Quận 7.

2. Ông Ngô Hữu Quang - Chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thơm là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 41/2020/TLST-LĐ ngày 31/12/2020 về việc "Tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Đ , xã C, huyện T, tỉnh H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 53 đường Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty cổ phần T.

Địa chỉ trụ sở: Số A33-A34 đường Nguyễn Hữu Thọ, khu dân cư Kim Sơn, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Huỳnh Văn Chánh T, sinh năm 1959; Chức danh: Tổng Giám đốc; Địa chỉ: Số P35 đường số 12, khu dân cư B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2020, các bản tự khai, đơn tường trình ngày 16/5/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Nguyễn Văn Q và Công ty Cổ phần T (Sau đây gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ ngày 01/4/2001, trong thời gian đó công ty mang tên là Công ty T II. Đến năm 2008, Công ty chuyển sang công ty cổ phần, là máy trưởng bậc 2/7 với thời hạn hợp đồng lao động là không xác định thời hạn, hợp đồng này Công ty giữ bản chính và được ký lại hợp đồng từ ngày 01/01/2007.

Trong quá trình làm việc, ông vẫn hoàn thành xuất sắc công việc được giao và không bị kỷ luật và cũng không có vi phạm gì.

Trong quá trình làm việc, Công ty hay xảy ra chậm lương, không có việc làm. Từ tháng 7/2017 Công ty không trả lương, không đóng bảo hiểm xã hội qua đó không đảm bảo cuộc sống gia đình của người lao động. Tới tháng 02/2018 ông có làm đơn xin nghỉ việc gửi cho Công ty nhưng Công ty vẫn không có văn bản trả lời.

Theo hợp đồng lao động, mức lương của ông là 4.133.000 (Bốn triệu một trăm ba mươi ba nghìn) đồng – mức lương đóng bảo hiểm xã hội thất nghiệp.

Ngày 21/7/2020 sau nhiều lần yêu cầu Công ty giải quyết chế độ nghỉ việc không được, thì ông có buổi làm việc tại Phòng Thương binh xã hội Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh. Tại buổi làm việc với Công ty có người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn Chánh T và Liên đoàn Lao động, phía Công ty đã thống nhất với đề xuất xin nghỉ việc của ông và hứa trong tháng 9/2020 sẽ giải quyết. Nhưng đến nay Công ty vẫn không thực hiện.

Nay ông khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 7 yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty cổ phần T ra quyết định nghỉ việc theo quy định của pháp luật.

- Buộc Công ty cổ phần T chốt Sổ bảo hiểm đầy đủ cho ông từ tháng 8/2017 đến khi có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

- Trả tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/4/2001 đến ngày 31/12/2008 là 14.796.140 đồng. Mỗi năm thâm niên 01 tháng lương mức lương là 3.699.035 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn không trăm ba mươi lăm đồng), được thể hiện khi tính theo bảng lương cán bộ công nhân viên đóng bảo hiểm đã trừ bảo hiểm các loại và công đoạn. Vậy công ty cổ phần T phải trả cho ông số tiền 8 năm là: 3.699.035 đồng x 8 x ½ = 14.796.140 (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi đồng) theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012 và Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

Vậy tổng số tiền mà Công ty cổ phần T phải trả cho ông Nguyễn Văn Q là: 14.796.140 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bốn

mươi) đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Do bận công việc nên ông Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

2. Bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

1. Về pháp luật tố tụng dân sự:

Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương với Công ty cổ phần T có địa chỉ trụ sở tại số A33-A34 đường N, khu dân cư Kim Sơn, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp về việc làm, tiền lương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b và d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về pháp luật nội dung:

Xét các yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Đối với yêu cầu Công ty ra quyết định nghỉ việc theo quy định của pháp luật và chốt Sổ bảo hiểm đầy đủ cho ông Nguyễn Văn Q từ tháng 8/2017 đến khi có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có thể xác định ông Nguyễn Văn Q và Công ty cổ phần T có ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ ngày 01/4/2001, Công ty không giao lại 01 bản hợp đồng cho ông Q. Ngày 21/7/2008, ông Q ký hợp đồng số 687 với Công ty, loại hợp đồng không xác định thời hạn, thời hạn được tính từ ngày 01/01/2007 với chức danh công nhân máy trưởng tàu sông, bậc 2/7. Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật. Đến tháng 8/2018 ông Q làm đơn xin nghỉ việc gửi Công ty nhưng không có kết quả trả lời.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải ngày 24/7/2020 của Phòng Lao động – Thương binh – Xã hội Quận 7, đại diện của Công ty là ông Huỳnh Văn Chánh Tâm đã xác nhận ông thời gian làm việc của ông Q tại Công ty như trên. Tại buổi hòa giải, phía Công ty đề nghị sẽ trả tiền trợ cấp thôi việc và chốt sổ BHXH cho ông Q vào tháng 9/2020, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa thực hiện công việc trên.

Điểm a khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng lao động:

"3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm sau đây:

a) Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động".

Khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động như sau:

"5. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật".

Ông Nguyễn Văn Q đã nghỉ việc từ tháng 02/2018 đến nay, việc Công ty không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và chốt sổ BHXH cho ông Q là không đúng với các quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của ông Q về việc buộc Công ty ra quyết định nghỉ việc theo quy định của pháp luật và chốt Sổ bảo hiểm đầy đủ từ tháng 8/2017 đến khi có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật là có cơ sở để được chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty trả tiền trợ cấp thôi việc:

Ông Nguyễn Văn Q yêu cầu Công ty trả tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/4/2001 đến ngày 31/12/2008, mỗi thâm niên 01 tháng lương là 3.699.035 đồng trong vòng 8 năm được tính như sau: 3.699.035 đồng x 8 x ½ = 14.796.140 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng lao động, người sử dụng lao động có nghĩa vụ:

"Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9 và 10 Điều 34 của Bộ luật này thì người sử dụng lao động có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 của Bộ luật này".

Căn cứ Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0201105442 thì ông Nguyễn Văn Q tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2001 đến tháng 08/2017. Tuy nhiên từ tháng 11/2004 đến tháng 05/2006 (1,5 năm) ông không tham gia đóng BHXH. Theo danh sách bảng lương nộp BHXH thì mức lương của ông Q trước khi thôi việc là 4.133.000 đồng (Đóng cả bảo hiểm xã hội thất nghiệp).

Căn cứ Công văn trả lời số 133/BHXH-THU ngày 09/3/2022 của Bảo hiểm xã hội Quận 7, xác minh việc tham gia bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn Q:

"Căn cứ dữ liệu BHXH Quận 7 đang quản lý, ông Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/01/1979, số CMND 14186312, tham gia bảo hiểm xã hội BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD- BNN tại Công ty cổ phần Tàu Quốc theo mã số 0201105442 từ tháng 07/2006 đến tháng 02/2018, nghỉ không lương từ tháng 3/2018 đến tháng 07/2021.

Quá trình tham gia của ông Nguyễn Văn Q tại Công ty cổ phần Tàu Quốc chưa được chốt sổ. Công ty cổ phần Tàu Quốc đã thanh toán tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD- BNN cho người lao động (trong đó có ông Nguyễn Văn Q) đến hết tháng 8/2017."

Ông Q yêu cầu Công ty cổ phần Tàu Quốc trả tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/4/2001 đến ngày 31/12/2008, mỗi năm thâm niên 01 tháng lương là 3.699.035 đồng, tổng cộng 08 năm là 14.796.140 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh. Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…".* Do ông Nguyễn Văn Q không cung cấp được tài liệu chứng minh cho yêu cầu này, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Q về số tiền bồi thường 14.796.140 đồng.

Đối với số tiền Công ty phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ kết quả xác minh việc tham gia bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Quận 7, ông Nguyễn Văn Q tham gia bảo hiểm xã hội BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD- BNN tại Công ty cổ phần Tàu Quốc theo mã số 0201105442 từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2018, như vậy thời gian hưởng trợ cấp thôi việc của ông Q được tính từ ngày 01/7/2006 đến ngày 31/12/2008 là 2,5 năm.

Trợ cấp thôi việc được tính theo công thức sau đây:

Tiền trợ cấp thôi việc = ½ x Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc x thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc (Theo quy định tại Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ). Vậy số tiền mà Công ty phải trả cho ông Nguyễn Văn Q = ½ x 4.133.000 đồng x 2,5 năm = 5.166.250 đồng.

Như vậy, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q về việc trả tiền trợ cấp thôi việc.

3. Đối với bị đơn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn vắng mặt mà không có lý do; Bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và không gửi cho Tòa án văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

4. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ trợ cấp thôi việc là 5.166.250 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch và không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Q tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b và d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử.

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và bị đơn Công ty cổ phần T.

2. Về nội dung:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q:

Buộc Công ty cổ phần T ra quyết định nghỉ việc theo quy định của pháp luật đối với ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979 là người lao động theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động là ông Nguyễn Văn Q và người sử dụng lao động là Công ty cổ phần T.

Buộc Công ty cổ phần T chốt Sổ bảo hiểm đầy đủ cho ông Nguyễn Văn Q từ tháng 8/2017 đến khi có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Buộc Công ty cổ phần T phải trả cho ông Nguyễn Văn Q một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ trợ cấp thôi việc là 5.166.250 (Năm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần T phải chịu án phí đối với tranh chấp về lao động là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0042161 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q, Công ty cổ phần T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Thơm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Phương